

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/ HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hai;

Ông Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn T Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05/10/2018, về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/11/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị N - *Sinh năm:* 1990. (có mặt);

Địa chỉ: 112, khóm B H, thị trấn L V, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Trần Tuấn T - *Sinh năm:* 1992. (có mặt);

Địa chỉ: 322A/TĐ, ấp T Đ, xã T T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Vào năm 2008 Nguyễn Thị N và Trần Tuấn T sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T không lo làm ăn, không lo cho kinh tế gia đình, đến khoảng tháng 6/2018 thì ly thân cho đến nay, không còn liên lạc qua lại và không ai quan tâm đến ai. Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với Trần Tuấn T. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quang D, sinh ngày: 14/7/2014. Nguyễn Thị N hiện đang nuôi con và

yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu Trần Tuấn T cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn Trần Tuấn T trình bày:

Theo lời trình bày của Nguyễn Thị N là đúng, năm 2008 Nguyễn Thị N và Trần Tuấn T sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình sống chung cũng có mâu thuẫn như chị N trình bày, anh T đồng ý ly hôn với chị N. Về con chung Trần Tuấn T đồng ý Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi con và anh T không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Nguyễn Thị N và Trần Tuấn T sống chung như vợ chồng từ năm 2008 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, pháp luật không công nhận là vợ chồng, vì đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Đối chiếu khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....”.

[2] Về con chung: Hiện nay Nguyễn Thị N đang trực tiếp nuôi Nguyễn Quang D, sinh ngày: 14/7/2014; Trần Tuấn T đồng ý giao con cho Nguyễn Thị N được quyền tiếp tục nuôi con, sự thỏa thuận này là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng: Đáng lý ra Trần Tuấn T không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, nhưng Nguyễn Thị N không yêu cầu Trần Tuấn T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Nguyễn Thị N và Trần Tuấn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn và nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận Nguyễn Thị N và Trần Tuấn T là vợ chồng.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Nguyễn Thị N được quyền tiếp tục nuôi con là Nguyễn Quang D, sinh ngày: 14/7/2014; Trần Tuấn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002468, ngày 05/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nguyễn Thị N đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/11/2018).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Đã ký

Nguyễn Văn Út